

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

TINH THẦN XUẤT THỂ CỦA PHẬT GIÁO VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỈ XIV QUA TƯ TƯỞNG GIẢI THOÁT CỦA HUYỀN QUANG

LÊ THỊ LAN^(*)

Mở đầu

Đệ tam tổ Thiền phái Trúc Lâm Huyền Quang (1254-1334), thế danh là Lý Đạo Tái, là người hương Vạn Tải, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang, nay thuộc huyện Gia Lương, tỉnh Bắc Ninh. Ông đỗ đạt từ năm 20 tuổi và ra làm quan, được vua Trần Nhân Tông (sau là Đệ nhất tổ Thiền phái Trúc Lâm) và Đệ nhị tổ Pháp Loa rất quý trọng về tài thơ văn và biên soạn sách vở Phật học. Năm 1305, khi 51 tuổi ông mới xuất gia và tới năm 1330, trước khi Nhị tổ Pháp Loa mất, ông được truyền thừa làm Đệ tam tổ. Lúc này, Huyền Quang đã 77 tuổi, tuy giữ vị trí Đệ tam tổ Thiền phái Trúc Lâm nhưng ông giao mọi việc cho đệ tử là An Tâm và về chùa Côn Sơn ẩn tu. Ông mất năm 1334, thọ 80 tuổi, để lại một số công trình Phật học như *Chư phẩm kinh*, *Công văn tập*, *Thích khoa giáo* và hơn 20 bài thơ chữ Hán trong đó chứa đựng nhiều tư tưởng Thiền đặc sắc.

Mặc dù chỉ ở địa vị Đệ tam tổ Thiền phái Trúc Lâm trong khoảng 4 năm (từ 1330-1334) nhưng phẩm hạnh và tư tưởng của ông đã đặt dấu ấn đậm nét trong dòng thiền này, đặc biệt là xu hướng giải thoát, dung hoà tư tưởng Phật giáo với tư tưởng Lão - Trang. Xu hướng giải thoát này ở Đệ tam tổ, một mặt, là

một bước rời xa tinh thần nhập thế đặc trưng của Thiền phái Trúc Lâm, mặt khác, là một bước khôi phục lại khuynh hướng tu hành thoát tục vốn có của Phật giáo. Điều này khiến cho phái Thiền Trúc Lâm đến Huyền Quang đã giảm dần tính luận thuyết bác học, khôi phục lại những đặc trưng về chức năng tôn giáo, đồng thời cũng giảm dần ảnh hưởng xã hội trên phương diện chủ động tác động tích cực tới cuộc sống. Chính vì vậy, mặc dù đạt được nhiều thành tựu rực rỡ trong lý luận Thiền học, đặc biệt là trong nhận thức, biểu đạt những khái niệm uyên áo, bác học, mang tính triết học cao siêu như luận về Tâm, về Phật, về Phật tính và về cách thức tu tập Thiền mang đặc trưng riêng, mặc dù đã truyền thừa được ba đời, nhưng phái Thiền Trúc Lâm thực chất chỉ tồn tại và ghi dấu ấn đậm nét trong lịch sử Phật giáo Việt Nam trong vòng hơn 30 năm. Sự tàn lụi của dòng Thiền Trúc Lâm trên phương diện tư tưởng được lý giải bởi nhiều nguyên nhân như do vấn đề người truyền thừa, do sự suy yếu về vị thế chính trị của Phật giáo, do sự nổi lên của Nho giáo trong đời sống chính trị tư tưởng Đại Việt, do những tệ

*. TS., Viện Triết học, Viện KHXH Việt Nam.

đoan ngày càng nhiều trong đời sống Phật giáo, hay do sự suy giảm năng lực tư duy và vai trò lãnh đạo của các vị vua Trần những đời sau, v.v... Tìm hiểu xu hướng thoát li cuộc sống trong tư tưởng của Đệ tam tổ sẽ giúp chúng ta hiểu được triết lí giải thoát của Huyền Quang nói riêng, của phái Thiên Trúc Lâm nói chung và lí giải được phần nào nguyên nhân sâu xa dẫn tới sự tàn lụi một dòng thiền rực rỡ ở Việt Nam về mặt tư tưởng.

1. Tư tưởng xuất thế xuất phát từ quan niệm nhân sinh của Đệ tam tổ Huyền Quang

Kế thừa những tư tưởng Phật giáo về luân hồi, về nghiệp, về nhân duyên, về vô thường, phái Thiên Trúc Lâm quan niệm cuộc đời, thế giới sống của con người là giả cảnh, là đầy rẫy những điều đau khổ, là nơi bụi bặm. Tuy nhiên, Điều ngự giác hoàng Trần Nhân Tông bằng sự mẫn tuệ, uyển chuyển và minh triết của tư duy Phật giáo đã chấp nhận cuộc sống trần ai như một khoảnh khắc trong kiếp luân hồi không thể bác bỏ, thậm chí, cần phải chung sống và lấy đó làm nơi hành đạo theo phương châm “cư trần lạc đạo”. Chính tinh thần chấp nhận những hệ lụy cuộc đời, đối mặt với thử thách của cuộc sống giả tạm, vô thường để tu đạo, trau dồi chân lí Thiên “Phật tại tâm” đó đã làm nên tinh thần nhập thế bác học, độc đáo và đầy ý nghĩa nhân văn của Thiên phái Trúc Lâm. Theo tinh thần này, sự giải thoát được thực hiện ngay chính tại cõi trần, trong tinh thần nhập thế, bằng hành động chung sống với và vượt lên trên những thử thách của cuộc sống trần tục với điều kiện tu tập, giác ngộ và thực hành chân lí “Tâm không”, “Phật là lòng”, “Phật tại tâm”⁽¹⁾.

Tiếp tục tinh thần của Thiên phái Trúc lâm coi cuộc đời là giả tạm, là nơi bụi bặm, nhưng Huyền Quang tôn sư đã đi xa hơn theo hướng cực đoan trong quan niệm về thế giới trần tục:

Sau mưa, khe và núi đều sạch lâu,

Một giấc mộng mát mẻ trong rừng phong.

Ngoảnh nhìn lại cõi đời bụi bặm,

Mở mắt, mà dường như say choáng váng

(Vũ quá khê sơn tịnh,

Phong lâm nhất mộng lương.

Phản quan trần thế giới,

Khai nhãn tuý mang mang)⁽²⁾

Trong khổ thơ trên, Huyền Quang tôn sư đã biểu tả trạng thái giác ngộ, giải thoát hết sức tinh tế và thuyết phục bằng sự ẩn dụ và đối lập cảnh giới đã giác ngộ với cuộc đời. Với nhãn quan của người giác ngộ, nhẹ nhõm và thanh thản, dưới giác độ của người đã thoát ra khỏi vòng tục lụy, Huyền Quang tôn sư nhìn nhận cuộc đời với tính chất tiêu cực là nơi đầy cảm dỗ xấu xa, vô thường và cần rời bỏ không chút luyến tiếc:

Giàu sang như mây nổi, chậm chạp chưa đến,

Quang âm như nước chảy, hối hả giục nhau qua.

Sao bằng về ở ẩn nơi rừng suối,

Một sập gió thông, một chén trà)⁽³⁾

1. Về những kiến giải Phật học mang tính bản thể luận uyên áo như “tâm không”, “Phật tại tâm”, “Phật là lòng”... đã được Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông gửi gắm trong các tác phẩm thơ văn của Ngài. Xin tham khảo *Thơ văn Lý-Trần*, tập 2, phần tác giả Trần Nhân Tông. Nxb. KHXH, Hà Nội, 1989.

2. Ngủ trưa. *Thơ văn Lý - Trần*. Nxb. KHXH. Hà Nội, 1989. Tập 2, tr. 682.

3. Huyền Quang. *Tặng sĩ đồ tứ đệ. Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Văn tuyển, Tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia. Hà Nội, 2004, tr. 293.

Như vậy, bằng quan niệm tiêu cực về cuộc đời, vị tổ thứ ba đã không tiếp tục xu hướng kế thừa tinh thần nhập thế “hoà quang đồng trần” (hoà ánh sáng với bụi bặm), “cư trần lạc đạo” (ở trong cõi trần mà vui với đạo) đầy tính chất khai sáng ở các nhà sáng lập Thiền phái Trúc Lâm nữa. Thậm chí, xu hướng thoát tục, lánh đời, ẩn tu vốn có của Phật giáo dựa trên quan niệm cuộc đời là vô thường “Trăm năm bóng quang âm chỉ trong nháy mắt”⁽⁴⁾, bắt đầu được khôi phục:

“Quên mình, quên đời, quên hết cả”⁽⁵⁾

“Buông niềm trần tục, nấu tới Vân Yên”⁽⁶⁾

2. Nội dung tư tưởng giải thoát của Huyền Quang

Tư tưởng giải thoát của Đệ tam tổ chính là sự kế thừa tinh thần lạc đạo và được xây dựng trên cơ sở nhận thức luận của Thiền phái Trúc Lâm. Dựa trên nhận thức luận về “tâm vô”, “tâm không”, Huyền Quang tiếp tục con đường tu tập vô tâm hoá, xoá bỏ biện biệt, “vong nhị kiến” bằng phương pháp thiền định và khẳng định đó là con đường giải phóng con người khỏi những hệ lụy của trần tục:

*Muôn vàn nhân duyên không vương
vấn là bức thành che niềm tục.*

Không lo lắng chút gì nên tâm mắt mở rộng.

*Hiểu thấu ý nghĩa của thuyết phải trái
đều như nhau,*

*Thì xem cung ma có khác gì nước
Phật!*⁽⁷⁾

Ở đây, con người giải thoát, tự do, an nhiên tự tại, không lệ thuộc vào cảnh giới như tinh thần Thiền phái Trúc Lâm đã hiển hiện. Huyền Quang tôn sư một lần nữa, trên vị thế của người giác ngộ, của bậc Tam tổ phái Trúc Lâm, đã tái khẳng

định con đường giải thoát mà Đệ nhất tổ Trần Nhân Tông chú trọng là giác ngộ chân lí “tâm không”:

*Bao nhiêu phong nguyệt về cõi vô tâm,
Chơi dẫu nước non, dưỡng đời thánh thọ*⁽⁸⁾

Như vậy, trên cơ sở nhận thức luận Thiền học và quan niệm nhân sinh Phật giáo, Huyền Quang tôn sư lựa chọn con đường ẩn tu, lánh đời theo tư tưởng giải thoát:

Đua khoái lạc chân bước lăm lăm.

Nhuộm phồn hoa đầu đà bạc tỉ.

Chẳng những vượn hạc thốt thề,

Lại phải cỏ hoa cười thi⁽⁹⁾

Ngài tự nhận mình đã từng bao năm hăm hở đua chen vòng khoái lạc, luẩn quẩn vòng tham sân si, đến lúc đầu đã nhuộm bạc mới giác ngộ chân lí nhà Phật, rồi bỏ chốn phồn hoa về với thiên nhiên. Tư tưởng giải thoát của ngài dưới ánh sáng Bát nhã thật thanh thoi, phóng khoáng, nhẹ nhàng:

Rũ không thay thay ánh phồn hoa,

Lấy chốn thiền môn làm cửa nhà.

Khuya sớm sáng chong đèn bát nhã,

Hôm mai rửa sách nước ma ha.

Lòng thiền vắng vạc trăng soi giai,

Thế sự hiu hiu gió thổi qua.

Cốc được tính ta nên Bụt thực,

4. Huyền Quang. *Qua Vạn Kiếp. Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Văn tuyển, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 289.

5. Huyền Quang. *Hoa cúc*. Sđd. tr.157.

6. Huyền Quang. *Vịnh Vân Yên tự phú, Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, Văn học Việt Nam thế kỉ X-XIV, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 163.

7. Huyền Quang. *Chùa Diên Hựu. Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Văn tuyển, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 295-296.

8. Huyền Quang. *Vịnh Vân Yên tự phú. Lịch sử tư tưởng Việt Nam*, Văn tuyển, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 294.

9. Huyền Quang. Sđd., tr. 294-295.

Ngại chi non nước cảnh đường xa⁽¹⁰⁾

Bài kệ trên cho ta hiểu rõ con đường ẩn tu theo lối thoát li cuộc sống của Đệ tam tổ bao gồm những nội dung sau: 1. Rũ bỏ không luyến tiếc những cảm dỗ của cuộc sống, rời bỏ thế sự; 2. Tu tập theo các phép của Thiền môn để trau dồi trí tuệ; 3. Thấu suốt chân lý Phật tại tâm, ai cũng có Phật tính nên không quản ngại khó khăn trên con đường giải thoát.

Tư tưởng giải thoát của Huyền Quang tôn sư không chỉ kế thừa tinh thần giải thoát của Thiền học mà còn mang đậm tinh thần tiêu dao, nhàn dật của đạo Lão - Trang. Vì thế, tư tưởng này không mang vẻ yếm thế trốn tránh cuộc sống mà là một lựa chọn chủ động, minh triết trên cơ sở thấu suốt chân lý Phật học và thể hiện vẻ đẹp phóng khoáng, tự do, bay bổng như tư tưởng của những vị chân nhân đạt được cảnh giới tiên:

Buông niềm trần tục, nấu tới Vân Yên,

Chim thuy dôi tiếng ca chim thuy,

Gió tiên đưa đời bước thần tiên.

Bầu dừng đỉnh giang hoà thế giới,

Hài thông thả dạo khắp sơn xuyên.

...

Ta nay:

Ngồi đỉnh Vân tiêu, cười chơi cánh Dao,

Coi Đông Sơn tựa hòn Kim Lục,

Xem Nam Hải tựa miệng con ngao

*Nức dài lan nghĩ hương đàn quế, nghe
Hằng Nga thốt khúc tiên thiêu;*

*Quán thất bảo vẻ bao bọt hiện, áo lục
thù tiếng gió tiên phiêu*⁽¹¹⁾

Như vậy, con đường giải thoát mà Huyền Quang tôn sư luận giải và hướng tới, một mặt đã tuân thủ những nguyên lý

Phật học cốt lõi nhất mà Thiền phái Trúc Lâm chủ trương, nhưng mặt khác, là sự chuyển hướng căn bản về tính chất tu hành từ nhập thế sang xuất thế. Tính chất tu hành này đã phản ánh xu hướng tách bạch mối quan hệ Phật giáo và chính trị vốn ngự trị một giai đoạn dài trong lịch sử Việt Nam thời Trần, khi ảnh hưởng tư tưởng của Phật giáo tới các vị vua ngày càng suy giảm.

Kết luận

Là người được truyền thừa làm Đệ tam tổ của Thiền phái Trúc Lâm, Huyền Quang tôn sư đã quán thông những triết lý Thiền học căn bản nhất của Thiền phái như sự biện giải về “tâm”, “tâm không”, “bát nhã”, “Phật tại tâm”, “Phật tính”... và tuân thủ nguyên tắc giải thoát của Thiền phái là giải thoát ngay trong cuộc đời này khi giác ngộ được những chân lý Thiền Phật giáo nói trên. Nhưng, khác với bậc thầy của mình là Trần Nhân Tông Đại đầu đà, Huyền Quang tôn sư chủ trương giải thoát bằng con đường xuất thế mà không phải bằng con đường nhập thế. Tuy còn nhiều lý giải khác nhau về sự khác biệt trong tư tưởng về con đường giải thoát của hai vị tổ này, nhưng lịch sử chứng minh một sự thật là sau Huyền Quang tam tổ, Phật giáo ngày càng đi theo xu hướng xuất thế theo đúng tính chất con đường giải thoát của Phật giáo. Và tư tưởng giải thoát xuất thế bay bổng, tự do và minh triết của Huyền Quang tam tổ giữ một vị trí đầy ý nghĩa trong lịch sử tư tưởng Phật giáo Việt Nam./.

10. Huyền Quang. *Vịnh Vân Yên tự phú. Lịch sử tư tưởng Việt Nam*. Văn tuyển, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 295.

11. Huyền Quang. *Vịnh Vân Yên tự phú. Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập 2, Văn học Việt Nam thế kỷ X-XIV, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1976, tr. 165.